TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số:03/2017/KDTM-ST
Ngày: 19/9/2017
"V/v tranh chấp
hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Ông Huỳnh Trung Thảo.

Thư ký phiên toà: ông Lê Trần Minh Châu- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà: bà Huỳnh Thị Tuyết Phương- Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2017/TLST-KDTM ngày 27 tháng 6 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47A/2017/QĐXXST-KDTM, ngày 17 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Địa chỉ: Số 21, đường C, phường C, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 142-144, đường N, phường V, Tp. C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974;

2. Bà Lâm Thị D, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1930;

2/. Bà Trần Thị V, sinh năm 1942;

3/. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/5/2017; biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2017 và tại phiên toà đại diện nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T trình bày: Ngày 18/9/2015 ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị D có ký hợp đồng tín dụng số 19617.15.710.1545340.TD với Ngân hàng thương mại cổ phần Q, để vay số tiền là 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng), thời hạn cấp hạn mức vay là 12 tháng, thời hạn của mỗi khoản vay là 6 tháng, với lãi suất trong hạn là 0,92%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,38%/tháng. Mục đích vay tiền để bổ sung nguồn vốn kinh doanh vật tư nông nghiệp. Để bảo đảm cho số tiền vay trên, ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị D, ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị V và bà Nguyễn Thị Kim H đã thế chấp tài sản của mình, theo các hợp đồng thế chấp số 19618.15.710.1545340.BĐ, 19620.15.710.1545340.BĐ và 9661.15.710.1545340.BĐ cùng ngày 18/9/2015. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị D với số tiền như sau: Ngày 23/9/2015 số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), ngày 06/11/2015 số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), ngày 10/11/2015 số tiền 830.000.000đ (Tám trăm ba mươi triệu đồng), ngày 13/11/2015 số tiền 830.000.000đ (Tám trăm ba mươi triệu đồng), ngày 17/11/2015 số tiền 810.000.000đ (Tám trăm mười triệu đồng) và ngày 19/11/2015 số tiền 615.000.000đ (Sáu trăm mười lăm triệu đồng. Tổng số tiền mà Ngân hàng đã cho vợ chồng ông H vay là 3.835.000.000đ (Ba tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu đồng). Sau khi giải ngân các khế ước nhận nợ cho đến nay, ông H và bà D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo quy định.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q yêu cầu ông H, bà D và bà H có trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng số tiền vay gốc còn thiếu là 3.835.000.000đ (Ba tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 30/5/2017 là 772.126.914đ (Bảy trăm bảy mươi hai triệu một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm mười bốn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 4.607.126.914đ (Bốn tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm mười bốn đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng số 19617.15.710.1545340.BĐ ngày 18/9/2015, cho đến khi ông H và bà D trả hết số nợ gốc nêu trên. Nếu ông H và bà D không trả số tiền trên, đề nghị Tòa án tuyên phát mãi tài sản mà ông H, bà D, ông C, bà V và bà H đã thế chấp cho ngân hàng để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án có tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H, bà D, ông C, bà V và bà H đúng theo quy định nhưng các đương sự trên không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án để tham gia hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của mình đối với vụ án trên như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, tuy nhiên Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị D và bà Nguyễn Thị Kim H. Buộc ông H, bà D và bà H có trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền vay gốc còn thiếu là 3.835.000.000đ (Ba tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 30/5/2017 là 772.126.914đ (Bảy trăm bảy mươi hai triệu một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm mười bốn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 4.607.126.914đ (Bốn tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm mười bốn đồng) và tiếp tục chịu lãi của số tiền vay gốc, theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 19617.15.710.1545340.TD, ngày 18/9/2015, kể từ ngày 01/6/2017 cho đến khi thi hành xong số nợ gốc trên.

Trong trường hợp ông H, bà D và bà H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, xử lý tài sản bảo lãnh của ông H, bà D, ông C, bà V và bà H, theo quy định của Luật thi hành án dân sự, để thu hồi nợ theo trách nhiệm bảo lãnh của người bảo lãnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, ông T đại diện cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q, yêu cầu ông Hồng, bà Dưng và bà Hoa có trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng số tiền vay gốc còn thiếu là 3.835.000.000đ (Ba tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 30/5/2017 là 772.126.914đ (Bảy trăm bảy mươi hai triệu một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm mười bốn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 4.607.126.914đ (Bốn tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm mười bốn đồng), yêu cầu ông H, bà D và bà H tiếp tục chịu lãi của số tiền vay gốc, theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 19617.15.710.1545340.TD, ngày 18/9/2015, kể từ ngày 01/6/2017

cho đến khi thi hành xong số nợ gốc trên. Nếu ông H, bà D và bà H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì yêu cầu Tòa án phát mãi tài sản bảo lãnh nợ vay theo các hợp đồng thế chấp mà ông H, bà D, ông C, bà V và bà H đã ký với Ngân hàng.

[1] Qua xem xét hợp đồng tín dụng số 19617.15.710.1545340.TD, ngày 18/9/2015 thể hiện: Ngân hàng thương mại cổ phần Q có ký hợp đồng cho ông H và bà D vay số tiền là 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng) để kinh doanh vật tư nông nghiệp với lãi suất là 0,92%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,38%/tháng. Trong quá trình vay tiền, ông H, bà D, ông C, bà V và bà H thế chấp tài sản cho Ngân hàng để đảm bảo cho số tiền vay nêu trên. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông H và bà D với tổng số tiền 3.835.000.000đ (Ba tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu đồng). Sau khi giải ngân các khế ước nhận nợ cho đến nay, ông H và bà D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Hiện nay hợp đồng tín dụng trên đã hết thời hạn nhưng ông H và bà D vẫn chưa thanh toán các khoản nợ trên cho Ngân hàng, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng yêu cầu ông H, bà D và bà H có trách nhiệm nghĩ nên buộc ông H và bà D có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền vay gốc và lãi cho Ngân hàng là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu bà H cùng có trách nhiệm với ông H và bà D trả số tiền trên là phù hợp và có căn cứ chấp nhận, bởi vì, tuy hợp đồng tín dụng trên, bà H (Con ông H và bà D) không trực tiếp ký kết vào hợp đồng trên nhưng do thời điểm vợ chồng ông H ký kết hợp đồng tín dụng, bà H có cùng hộ khẩu và sống chung với ông H và bà D nên việc ông H và bà D vay tiền của Ngân hàng bà H cũng biết và cũng thống nhất ký các hợp đồng bảo lãnh để cho ông H và bà D vay tiền, nghĩ nên buộc bà H cùng có trách nhiệm trả lại số tiền mà ông H và bà D đã vay của ngân hàng là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của ông T đại diện cho Ngân hàng, yêu cầu xử lý cho phát mãi các tài sản mà ông H, bà D, ông C, bà V và bà H thế chấp theo các hợp đồng thế chấp số 19618.15.710.1545340.BĐ, 19620.15.710.1545340.BĐ và 19661.15.710.1545340.BĐ ngày 18/9/2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng, xét thấy yêu cầu này là có căn cứ để chấp nhận, bởi vì, trong quá trình ông H và bà D vay tiền tại Ngân hàng, ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị D, ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị V và bà Nguyễn Thị Kim H có thế chấp tài sản cho Ngân hàng để đảm bảo số tiền vay của ông Nguyễn Văn H và bà Lâm Thị D theo các hợp đồng thế chấp số 19618.15.710.1545340.BĐ, 19620.15.710.1545340.BĐ và 19661.15.710.1545340.BĐ ngày 18/9/2015, các hợp đồng thế chấp này đã được chứng thực theo đúng quy định. Mặc khác, ngày 14/11/2016, ông H, bà D, ông C, bà V và bà H thống nhất làm tờ thỏa thuận giao toàn bộ số tài sản đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp trên cho Ngân hàng bán để thu hồi số tiền mà ông H và bà D đã vay của Ngân hàng. Do đó, nếu ông H và bà D không trả các khoản nợ trên cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu

phát mãi các tài sản thế chấp, theo các hợp đồng thế chấp trên để thu hồi nợ là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có trách nhiệm trả lại các tài sản thế chấp cho ông H, bà D, ông C, bà V và bà H theo các hợp đồng thế chấp trên, khi ông H và bà D đã trả hết các khoản nợ cho ngân hàng.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Do yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận nên ông H, bà D và bà H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị D và bà Nguyễn Thị Kim H.

2/ Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị D và bà Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền vay gốc còn thiếu là 3.835.000.000đ (Ba tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 30/5/2017 là 772.126.914đ (Bảy trăm bảy mươi hai triệu một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm mười bốn đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 4.607.126.914đ (Bốn tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu một trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm mười bốn đồng)

Ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị D và bà Nguyễn Thị Kim H tiếp tục chịu lãi của số tiền vay gốc, theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 19617.15.710.1545340.TD ngày 18/9/2015, kể từ ngày 01/6/2017 cho đến khi thi hành xong số nợ gốc trên.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị D và bà Nguyễn Thị Kim H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, xử lý tài sản bảo lãnh nợ vay theo các hợp đồng thế chấp số 19618.15.710.1545340.BĐ, 19620.15.710.1545340.BĐ và 19661.15.710.1545340.BĐ cùng ngày 18/9/2015 mà ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị D, ông Nguyễn Văn C, bà

Trần Thị V và bà Nguyễn Thị Kim H đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần Q, theo quy định của Luật thi hành án dân sự, để thu hồi nợ theo trách nhiệm bảo lãnh của người bảo lãnh.

Trường hợp ông H và bà D trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có trách nhiệm trả lại toàn bộ tài sản cho ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị D, ông Nguyễn Văn C, bàTrần Thị V và bà Nguyễn Thị Kim H theo các hợp đồng thế chấp số 19618.15.710.1545340.BĐ, 19620.15.710.1545340.BĐ và 19661.15.710.1545340.BĐ ngày 18/9/2015 mà ông H, bà D, ông C, bà V và bà H đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

3/ Về án phí:

Ông Nguyễn Văn H, bà Lâm Thị D và bà Nguyễn Thị Kim H phải liên đới nộp 112.607.000đ (Một trăm mười hai triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn đồng), tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.304.000đ (Năm mươi sáu triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 09221 ngày 27/6/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Hoàng Vũ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**